

Số: **19** /NQ-HĐND

Tây Ninh, ngày **28** tháng 5 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Cho ý kiến về kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm
giai đoạn 2021 - 2025 - Nguồn vốn ngân sách nhà nước**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 21**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Văn bản số 5743/BKHĐT-TH ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Văn bản số 419/TTg-KTTH ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 1539/TTr-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến về kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách nhà nước; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 - Nguồn vốn ngân sách nhà nước dự kiến là 23.738.066 triệu đồng, trong đó:

1. Nguồn vốn ngân sách nhà nước dự kiến tại Công văn số 419/TTg-KTTH ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ là 18.460.119 triệu đồng, bao gồm:

- a. Vốn ngân sách địa phương: 14.568.600 triệu đồng, trong đó:
 - Nguồn vốn ngân sách tập trung: 3.024.700 triệu đồng.
 - Nguồn thu tiền sử dụng đất: 2.619.500 triệu đồng.
 - Nguồn vốn xổ số kiến thiết: 8.900.000 triệu đồng.
 - Bội chi ngân sách địa phương: 24.400 triệu đồng.
- b. Vốn ngân sách trung ương: 3.891.519 triệu đồng, trong đó:
 - Vốn trong nước: 3.390.219 triệu đồng, trong đó:
 - + Thu hồi các khoản vốn ứng trước: 13.819 triệu đồng.
 - + Các dự án trọng điểm, dự án có tính liên kết vùng: 1.200.000 triệu đồng.
 - Vốn nước ngoài: 501.300 triệu đồng.

(Đính kèm biểu chi tiết)

2. Nguồn vốn bổ sung của ngân sách địa phương là 5.277.947 triệu đồng, cụ thể:

- a) Nguồn vốn ngân sách tập trung: 4.363.750 triệu đồng.
- b) Nguồn thu tiền sử dụng đất: 573.540 triệu đồng.
- c) Bội chi ngân sách địa phương: 131.097 triệu đồng.
- d) Nguồn tăng thu xổ số kiến thiết năm 2020: 209.560 triệu đồng.

(Đính kèm biểu chi tiết)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh Khóa IX, Kỳ họp thứ 21 thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 5 năm 2021.

Nơi nhận: 

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- TT HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng Tỉnh ủy,
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Văn phòng ĐĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.VP ĐĐBQH và HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Tâm



DỰ KIẾN TỔNG NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2021-2025 - NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
Kèm theo Nghị quyết số 19 /NQ-HĐND ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh

ĐVT: Triệu đồng

STT		THỦ TƯỚNG CP GIAO (CV 419/TTg-KTTH ngày 02/4/2021)			NGUỒN VỐN TỈNH DỰ KIẾN TĂNG THÊM SO VỚI SỐ THÔNG BÁO CỦA TTg TẠI CV 419			HĐND TỈNH GIAO (DỰ KIẾN)		
		TỔNG	TỈNH	HUYỆN	TỔNG	TỈNH	HUYỆN	TỔNG	TỈNH	HUYỆN
	TỔNG	18.460.119	17.007.919	1.452.200	5.277.947	2.218.587	3.059.360	23.738.066	19.226.506	4.511.560
I	TỔNG VỐN NSDP	14.568.600	13.116.400	1.452.200	5.277.947	2.218.587	3.059.360	19.846.547	15.334.987	4.511.560
1	Cần đổi ngân sách địa phương	3.024.700	3.024.700		4.363.750	1.877.930	2.485.820	7.388.450	4.902.630	2.485.820
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất, thuế đất	2.619.500	1.167.300	1.452.200	573.540		573.540	3.193.040	1.167.300	2.025.740
3	Xổ số kiến thiết	8.900.000	8.900.000					8.900.000	8.900.000	
4	Nguồn bồi chi NSDP	24.400	24.400		131.097	131.097		155.497	155.497	
5	Nguồn tăng thu XSKT năm 2020 (theo Thông báo số 128-TB/VP.TU ngày 08/3/2021)				209.560	209.560		209.560	209.560	
II	TỔNG VỐN NSIW HỖ TRỢ	3.891.519	3.891.519					3.891.519	3.891.519	
1	Vốn trong nước	3.390.219	3.390.219					3.390.219	3.390.219	
2	Vốn nước ngoài	501.300	501.300					501.300	501.300	

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2021-2025
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số 19 /NQ-HĐND ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	LĨNH VỰC	DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN NSDP 2021-2025 (THEO CV 419)					KẾ HOẠCH VỐN GIAI ĐOẠN 2021-2025 - NGUỒN BỔ SUNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG										DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN GIAI ĐOẠN 2021-2025					GHI CHÚ
		TỔNG	NGUỒN THU SDD	XSKT	BỘ CHI	TỔNG	NSTT	NGUỒN THU SDD	XSKT	BỘ CHI	NGUỒN TÀNG THƯ XSKT 2020	TỔNG	NSTT	NGUỒN THU SDD	XSKT	BỘ CHI	NGUỒN TÀNG THƯ XSKT 2020					
A	TỔNG	13.116.400	3.024.700	1.167.300	8.900.000	24.400	2.218.587	1.877.930	-	131.097	209.560	15.334.987	4.902.630	1.167.300	8.900.000	155.097	209.560					
A.1	TỈNH QUẢN LÝ	7.981.200	3.024.700	1.114.300	3.817.800	24.400	2.218.587	1.877.930	-	131.097	209.560	10.199.787	4.902.630	1.114.300	3.817.800	155.097	209.560					
A.1	CĐBT+TTKL	211.430	11.430	200.000	200.000		87.970	87.970				299.400	99.400	-	200.000	-						
A.2	TH/C HIỆN DỰ ÁN	6.911.680	2.934.780	1.028.560	2.923.940	24.400	1.715.500	1.715.500		131.097		8.758.277	4.650.280	1.028.560	2.923.940	155.097						
1	Quốc phòng	362.000	298.000	64.000								362.000	298.000	64.000	-	-						
2	An ninh và trật tự, an toàn xã hội	145.000	145.000									145.000	145.000	-	-	-						
3	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	452.300		452.300								452.300	-	-	452.300	-						
4	Khoa học, công nghệ	29.700		29.700								29.700	-	-	29.700	-						
5	Y tế, dân số và gia đình	584.800		584.800								584.800	-	-	584.800	-						
6	Văn hóa, thông tin	257.500		257.500								257.500	-	-	257.500	-						
7	Phát thanh, truyền hình, thông tin	72.200		72.200								72.200	-	-	72.200	-						
8	Thể dục, thể thao	103.500		103.500								103.500	-	-	103.500	-						
9	Bảo vệ môi trường	470.590	457.590		13.000					121.441		592.031	457.590	-	-	134.441						
10	Các hoạt động kinh tế	-										-	-	-	-	-						
10.a	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	608.580	608.580									608.580	608.580	-	-	-						
10.c	Giao thông	1.898.940	381.340	357.160	1.160.440	1.715.500	1.715.500					3.614.440	2.096.840	357.160	1.160.440	-						
10.d	Kinh công nghiệp và khu kinh tế	203.700	97.700	106.000								203.700	97.700	106.000	-	-						
10.e	Cấp nước, thoát nước	370.700	370.700									370.700	370.700	-	-	-						
10.h	Du lịch	14.850	14.850									14.850	14.850	-	-	-						
10.l	Công nghệ thông tin	222.000		222.000								222.000	-	-	222.000	-						
10.m	Quy hoạch	73.000	73.000									73.000	73.000	-	-	-						
10.n	Công trình công cộng tại các đô thị	253.100	253.100									253.100	253.100	-	-	-						
10.o	Cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn	584.400	83.000	501.400								584.400	83.000	501.400	-	-						

STT	LĨNH VỰC	DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN GIAI ĐOẠN 2021-2025 (THEO CV 419)						KẾ HOẠCH VỐN GIAI ĐOẠN 2021-2025 - NGUỒN BỔ SUNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG						DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN GIAI ĐOẠN 2021-2025						GHI CHÚ
		TỔNG	NSTT	NGUỒN THU SDD	XSKT	BỘI CHI	TỔNG	NSTT	NGUỒN THU SDD	XSKT	BỘI CHI	NGUỒN TĂNG THU XSKT 2020	TỔNG	NSTT	NGUỒN THU SDD	XSKT	BỘI CHI	NGUỒN TĂNG THU XSKT 2020		
11	Hoạt động của các CQ QLNN, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức CT và các tổ chức CT-XH	154.900	141.800		13.100								154.900	141.800	-	13.100	-	-		
12	Xã hội	28.400			28.400								28.400	-	-	28.400	-	-		
13	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật	21.520	10.120			11.400				9.656			31.176	10.120	-	-	21.056	-		
A.3	DỰ PHÒNG	858.090	78.490	85.740	693.860		284.020	74.460			209.560		1.142.110	152.950	85.740	693.860	-	209.560		
A.II	HUYỆN QUẢN LÝ	5.135.200		53.000	5.082.200								5.135.200	-	53.000	5.082.200	-	-		
1	Xây dựng nông thôn mới	2.504.200			2.504.200								2.504.200	-	-	2.504.200	-	-	Theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 của UBND tỉnh	
2	Phát triển thành phố, thị xã	1.260.000		53.000	1.207.000								1.260.000	-	53.000	1.207.000	-	-	TP.TN: 280 tỷ; Trung Bàng: 250 tỷ; Hòa Thành: 200 tỷ; Gò Dầu : 160 tỷ; Châu Thành, Bến Cầu: 80 tỷ; DMC, Tân Châu, Tân Biên: 70 tỷ	
3	Hỗ trợ khác	1.371.000			1.371.000								1.371.000	-	-	1.371.000	-	-	Bến Cầu, DMC, Châu Thành: 157 tỷ/huyện; 06 huyện còn lại: 150 tỷ/huyện	
B	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	1.452.200		1.452.200			3.059.360	2.485.820	573.540				4.511.560	2.485.820	2.023.740	-	-	-		

DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN BỎ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 - NGUỒN BỘI CHI NSDP

(Kèm theo Nghị quyết số 19 /NQ-HĐND ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

																		
TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Nhà tài trợ	Ngày ký kết Hiệp định	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm										Số vốn đã giải ngân kế hoạch đầu tư hàng năm vốn NSWT từ năm 2016-2020	Dự kiến kế hoạch trung hạn 2021-2025 - nguồn bội chi NSDP
							TMDT											
							Trong đó:											
							Vốn đối ứng					Vốn nước ngoài						
							Vốn đối ra tiền Việt											
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tính bằng ngoại tệ	Tổng số	Trong đó: cấp phát từ NSTW	Vay lại	Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)			
	TỔNG SỐ						1.536.658	232.831	8.615	-	1.303.827	1.116.525	187.302	-	542.622	24.400		
I	BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG						1.430.854	216.067	8.615	-	1.214.787	1.054.197	160.590	-	536.966	13.000		
	Dự án đã có trong KH 2016-2020						1.430.854	216.067	8.615		1.214.787	1.054.197	160.590		536.966	13.000		
I	Dự án Phát triển các đô thị hành lang sông Mekong mở rộng tại Mộc Bài - Tây Ninh	Bến Cầu	2013-2021	ADB	17/1/2013	140/QĐ-BQLKKT ngày 26/7/2012; 945/QĐ-UBND ngày 11/5/2020	1.075.290	122.377	8.615	40.880.000 USD	952.913	870.885	82.028		536.966	13.000		
III	LĨNH VỰC CÁC NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN KHÁC THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LƯẬT						105.804	16.764	-	-	89.040	62.328	26.712	-	5.656	11.400		
	Dự án đã có trong KH 2016-2020						105.804	16.764			89.040	62.328	26.712		5.656	11.400		
1	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	TP. TN	2018-2022	WB		3139/QĐ-UBND 12/12/2016; 992/QĐ-UBND 02/5/2019	105.804	16.764		3.828.710 USD	89.040	62.328	26.712		5.656	11.400		

Đơn vị: Triệu đồng

Trang 1

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN DỰ KIẾN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSDP GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021-2025

LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG

(Kèm theo Nghị quyết số 19 /NQ-HĐND ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CDT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư						Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
							Tổng số	Trong đó: NS tỉnh										
	TỔNG						548.027	494.478	21.740	21.740	362.000	362.000						
II	Phân bổ theo định mức ngành, lĩnh vực						548.027	494.478	21.740	21.740	362.000	362.000						
II.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 05 năm 2021-2025						58.992	58.992	21.740	21.740	19.000	19.000						
1	Dự án xây dựng Đồn Biên phòng Tân Hà	BCH BDBP tỉnh	Xã Tân Hà, Tân Châu, Tây Ninh	Theo thiết kế mẫu đồn biên phòng năm 2014 của Bộ trưởng BQP	2019-2021	2340/QĐ-UBND 29/10/2019	40.000	40.000	13.740	13.740	9.000	9.000						
2	Xây dựng doanh trại Đại đội bộ binh 54/Ban CHQS huyện Trảng Bàng	Bộ CHQS tỉnh	xã Phước Mỹ, TX Trảng Bàng	Xây mới	2019-2021	223/QĐ-SKHĐT 08/10/2019	18.992	18.992	8.000	8.000	10.000	10.000						

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CĐT	Địa điểm xây dựng	Nội dung thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					
II.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025						489.035	435.486	-	-	343.000	343.000	
1	Dự án mua sắm thiết bị doanh cụ cơ quan Sở chỉ huy Biên phòng tỉnh Tây Ninh	BCH BDBP tỉnh	Phường 3 và Ninh Sơn, TP.TN	Mua sắm theo tiêu chuẩn tại Nghị định số 76/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016	2021		8.000	8.000			7.200	7.200	
2	Xây dựng nhà ở và làm việc cho Đội Công tác địa bàn xã Tân Lập	BCH BDBP tỉnh	huyện Tân Biên		2021-2022		3.000	3.000			2.700	2.700	
3	Dự án lắp đặt hệ thống camera giám sát công nghệ cao tại các cửa khẩu	BCH BDBP tỉnh	các cửa khẩu của tỉnh (trừ Mộc Bài và Xa Mát)	lắp đặt mới	2023-2025		66.000	66.000			59.400	59.400	
4	Dự án xây dựng Đồn Biên phòng cửa khẩu quốc tế Mộc Bài vị trí mới	BCH BDBP tỉnh	xã Lợi Thuận, Bến Cầu	Theo thiết kế mẫu đồn biên phòng năm 2014 của Bộ trưởng BQP	2022-2024		45.000	22.500			22.500	22.500	



STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CĐT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư						Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú	
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: NS tỉnh
5	Dự án xây dựng Đồn Biên phòng cửa khẩu Phước Tân	BCH BDBP tỉnh	xã Thành Long, Châu Thành	Theo thiết kế mẫu đồn biên phòng năm 2014 của Bộ trưởng BQP	2022-2024		40.000	40.000			36.000	36.000		
6	Dự án xây dựng Đồn Biên phòng cửa khẩu quốc tế Xa Mát	BCH BDBP tỉnh	xã Tân Lập, Tân Biên	Theo thiết kế mẫu đồn biên phòng năm 2014 của Bộ trưởng BQP	2024-2026		40.000	40.000			30.300	30.300		
7	Xây dựng nhà ở liên kết chết dân quân biên giới	BCH QS tỉnh	Châu Thành, Tân Biên, Tân Châu, Bến Cầu, Trảng Bàng		2021-2023		44.535	13.486			13.500	13.500		
8	Xây dựng doanh trại và thao trường huấn luyện Trung đoàn bộ binh 174 (gđ 2)	BCH QS tỉnh	Tân Châu	15640 m²	2023-2026		185.000	185.000			85.800	85.800		
9	Xây dựng mới nhà làm việc cơ quan Văn phòng Bộ CHQS tỉnh	BCH QS tỉnh	TP. TN		2022-2024		5.000	5.000			4.800	4.800		

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CĐT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					
10	Nâng cấp sân đường bê tông nhựa nóng, mua sắm trang thiết bị y tế, sinh hoạt làm việc Trung tâm y tế quân dân y tỉnh Tây Ninh	BCH QS tỉnh	TP.TN		2023-2025		15.000	15.000			13.500	13.500	
11	Xây dựng doanh trại Đại đội Thiết giáp/Phòng Tham mưu	BCH QS tỉnh	TP.TN	2500 m ²	2023-2025		20.000	20.000			18.000	18.000	
12	Xây dựng mới kho lưu trữ văn thư/Bộ CHQS tỉnh	BCH QS tỉnh	TP.TN	450 m ²	2021-2023		4.000	4.000			3.900	3.900	
13	Xây dựng kho vật chất phòng chống lụt bão/Bộ CHQS tỉnh	BCH QS tỉnh	TP.TN	320 m ²	2022-2024		4.000	4.000			3.800	3.800	
14	Mua sắm trang thiết bị sinh hoạt, làm việc Đại đội bộ binh 1/Tân Châu	BCH QS tỉnh	Tân Châu		2022-2024		2.000	2.000			1.900	1.900	
15	Nâng cấp sân nền gạch Terzaro, sơn P, chống thấm, mua sắm trang thiết bị sinh hoạt, làm việc Đại đội bộ binh 40/Châu Thành	BCH QS tỉnh	Châu Thành		2022-2024		3.500	3.500			3.300	3.300	
16	Mua sắm trang thiết bị sinh hoạt, làm việc Đại đội bộ binh 61/Bến Cầu	BCH QS tỉnh	Bến Cầu		2022-2024		2.000	2.000			1.900	1.900	
17	Mua sắm trang thiết bị sinh hoạt, làm việc Đại đội bộ binh 105/Tân Biên	BCH QS tỉnh	Tân Biên		2022-2024		2.000	2.000			1.900	1.900	

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CDT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh								
18	Sửa chữa, thay thiết bị điện sinh hoạt doanh trại Tiểu đoàn BB14	BCH QS tỉnh	Xã Tân Phú, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh		2022-2024		800						700	700		
19	Xây dựng mới hàng rào bảo vệ doanh trại Tiểu Đoàn BB14/eBB174	BCH QS tỉnh	xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh		2022-2024		2.500						2.300	2.300		
20	Xây mới hội trường 300 chỗ Bộ CHQS tỉnh	BCH QS tỉnh	Phường 1, Tp Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh		2022-2024		30.000						25.000	25.000		
21	Xây dựng hàng rào bảo vệ khu vực đất dự phòng Bộ CHQS tỉnh Tây Ninh	BCH QS tỉnh	xã Thanh Tân, Tp Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh		2023-2025		2.500						2.300	2.300		
22	Xây dựng hàng rào bảo vệ doanh trại Trung đoàn BB174 (Trường quân sự cũ)	BCH QS tỉnh	Phường Ninh Sơn, Tp Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh		2023-2025		2.500						2.300	2.300		



DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH DỰ ÁN DỰ KIẾN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSDP GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021-2025

LĨNH VỰC AN NINH VÀ TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI

(Kèm theo Nghị quyết số 19 /NQ-HĐND ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CDT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
	TỔNG						449.758	303.305	170.000	120.300	240.000	145.000	
II	Phân bổ theo định mức ngành, lĩnh vực						449.758	303.305	170.000	120.300	240.000	145.000	-
II.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 05 năm 2021-2025						337.700	191.247	170.000	120.300	160.000	65.000	-
I	Trung tâm chi huy Công an tỉnh Tây Ninh	Công an tỉnh	Tp. Tây Ninh		2018-2021	2911/QĐ-BCA-H01, ngày 03/5/2019	337.700	191.247	170.000	120.300	160.000	65.000	
II.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025						112.058	112.058			80.000	80.000	

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CĐT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					
1	Cải tạo, mở rộng Trụ sở làm việc Phòng Cảnh sát hình sự thuộc Công an tỉnh Tây Ninh	Công an tỉnh	TP Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh		2021-2023		14.879	14.879			14.000	14.000	
2	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Phòng Cảnh sát cơ động thuộc Công an tỉnh Tây Ninh	Công an tỉnh	TP Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh		2021-2023		2.646	2.646			2.400	2.400	
3	Cải tạo sửa chữa Trạm Công an kiểm soát xuất nhập cảnh cửa khẩu Xa Mát	Công an tỉnh	TP Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh		2021-2023		3.645	3.645			3.300	3.300	
4	Cải tạo sửa chữa Trạm quản lý xuất nhập cảnh cửa khẩu Mộc Bài	Công an tỉnh	TP Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh		2022-2024		1.100	1.100			1.000	1.000	
5	Xây hội trường Phòng Cảnh sát PCCC thuộc Công an tỉnh Tây Ninh	Công an tỉnh	TP Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh		2022-2024		5.100	5.100			4.600	4.600	
6	Cải tạo, sửa chữa Đồn Công an Khu kinh tế Mộc Bài thuộc Công an tỉnh Tây Ninh	Công an tỉnh	Huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh		2022-2024		1.052	1.052			1.000	1.000	
7	Mở rộng trụ sở làm việc Công an thị xã Trảng Bàng		huyện Trảng Bàng tỉnh Tây Ninh		2023-2025		35.612	35.612			32.000	32.000	

STT	Danh mục dự án	 Đơn vị đề xuất/CĐT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú	
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NS tỉnh
8	Đội Cảnh sát PCCC&CNCH Công an huyện Tân Châu	Công an tỉnh	huyện Tân Châu tỉnh Tây Ninh		2023-2025		9.587	9.587			8.600	8.600			
9	Đội Cảnh sát PCCC&CNCH Công an huyện Gò Dầu	Công an tỉnh	Huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh		2023-2025		11.437	11.437			10.300	10.300			
10	Mở rộng trụ sở làm việc Công an huyện Châu Thành	Công an tỉnh	Thị trấn Châu Thành	Cải tạo, nâng cấp bổ sung 01 số hạng mục	2025-2027		27.000	27.000			2.800	2.800			



Biểu 03

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN DỰ KIẾN BỎ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSDP GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021-2025

LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

(Kèm theo Nghị quyết số 19 /NQ-HEND ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CĐT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư						Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020	Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú	
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NS tỉnh
	TỔNG						701.686	534.686	-	-	-	619.300	452.300			
II	Phân bổ theo định mức ngành, lĩnh vực						701.686	534.686	-	-	-	619.300	452.300			
II.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 05 năm 2021-2025						27.723	27.723	-	-	-	3.000	3.000			
1	Trường Trần Đại Nghĩa	BOLDA DTXD tỉnh	Tp. Tây Ninh		2019-2021	283/QĐ-SKHĐT 30/10/2018; 214/QĐ-SKHĐT 03/9/2020 (đc)	27.723	27.723				3.000	3.000	Dự án tách ra từ Chương trình phát triển giáo dục trung học giai đoạn 2 (khoản vay chính sách), tiền dự án Tây Ninh		
II.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025						673.963	506.963	0	0	0	616.300	449.300			

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CĐT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					
1	Dự án đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình Giáo dục mầm non và Giáo dục phổ thông giai đoạn 2017-2025 theo QĐ số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2020 (bao gồm dự án Xây dựng kiên cố hóa phòng chức năng)	Sở GD&ĐT	toàn tỉnh		2023-2026		356.000	189.000			356.000	189.000	Bao gồm 02 DA cũ: (1)Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình Giáo dục mầm non và Giáo dục phổ thông giai đoạn 2017-2025 theo QĐ số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2020 và (2) Xây dựng kiên cố hóa phòng chức năng;
2	Trường cao đẳng Sư phạm TN	Sở GD&ĐT	Thành phố Tây Ninh		2021-2022		13.750	13.750			12.500	12.500	
3	Trường THPT Nguyễn Trung Trực	Sở GD&ĐT	Long Thành Trung - Hòa Thành		2021-2022		4.950	4.950			4.500	4.500	
4	Trường THPT Lý Thường Kiệt	Sở GD&ĐT	Thị trấn Hòa Thành		2021-2022		13.750	13.750			12.500	12.500	
5	Trường THPT Tân Châu	Sở GD&ĐT	Thị trấn Tân Châu		2021-2022		16.500	16.500			15.000	15.000	
6	Trường THPT Hoàng Văn Thụ	Sở GD&ĐT	Thị trấn Châu Thành		2021-2022		6.500	6.500			5.900	5.900	
7	Trường THPT Nguyễn Văn Trỗi	Sở GD&ĐT	Bàu Đồn - Gò Dầu		2021-2022		8.250	8.250			7.500	7.500	
8	Trường THPT Nguyễn Thái Bình	Sở GD&ĐT	Trưởng Mít - Dương Minh Châu		2021-2022		20.350	20.350			18.500	18.500	

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CDT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh								
9	Trường THPT Nguyễn Trãi	Sở GD&ĐT	Thị trấn Trảng Bàng		2022-2023		13.750	13.750					12.500	12.500		
10	Trường THPT Quang Trung (cơ sở 2)	Sở GD&ĐT	Thị trấn Gò Dầu		2022-2023		7.500	7.500					6.800	6.800		
11	Trường THPT Trần Phú	Sở GD&ĐT	Thị trấn Tân Biên		2022-2023		21.450	21.450					19.500	19.500		
12	Trường Khuyết tật Tây Ninh	Sở GD&ĐT	Long Thành Nam - Hòa Thành		2022-2023		8.500	8.500					7.700	7.700		
13	Trường THPT Tân Đông	Sở GD&ĐT	Tân Đông - Tân Châu		2022-2023		4.950	4.950					4.500	4.500		
14	Trường THPT Tân Hưng	Sở GD&ĐT	Tân Hưng - Tân Châu		2022-2023		3.500	3.500					3.000	3.000		
15	Trường phổ thông dân tộc nội trú Tây Ninh	Sở GD&ĐT	Ninh Sơn - thành phố Tây Ninh		2023-2024		12.500	12.500					11.300	11.300		
16	Trường THPT Lương Thế Vinh	Sở GD&ĐT	Mỏ Công - Tân Biên		2023-2024		9.500	9.500					8.600	8.600		
17	Trường THPT Lê Hồng Phong	Sở GD&ĐT	Hòa Thành - Châu Thành		2023-2024		7.500	7.500					6.800	6.800		
18	Trường THPT Dương Minh Châu (cơ sở 2)	Sở GD&ĐT	Suối Đá - Dương Minh Châu		2023-2024		3.500	3.500					3.000	3.000		

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CDT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
19	Trường THPT Nguyễn Huệ	Sở GD&ĐT	Lợi Thuận - Bến Cầu		2024-2025		4.950	4.950	4.950		4.500	4.500	
20	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	Sở GD&ĐT	Long Giang - Bến Cầu		2024-2025		6.500	6.500			5.900	5.900	
21	Xây dựng nhà vệ sinh giáo viên, học sinh	Sở GD&ĐT	toàn tỉnh		2021-2024		89.000	89.000			80.000	80.000	
22	Sửa chữa Trường trung cấp kinh tế kỹ thuật Tây Ninh	Sở LĐ, TB&XH	Bình Hòa, Châu Thành		2021-2024		4.000	4.000			3.800	3.800	
23	Khu in sao để thi THPT Quốc gia	Sở GDĐT	Tp. Tây Ninh		2021-2022		6.464	6.464			6.000	6.000	

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN DỰ KIẾN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSDP GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021-2025

LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ

Được theo Nghị quyết số 19 /NQ-HĐND ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh



DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CDT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú		
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh
							Tổng mức đầu tư									
	TỔNG						33.000	33.000				29.700	29.700			
II	Phân bổ theo định mức ngành, lĩnh vực						33.000	33.000				29.700	29.700			
II.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025						33.000	33.000				29.700	29.700			
1	Dự án nâng cấp Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	Sở Y tế	TP Tây Ninh	1152m²	2021-2023			13.000	13.000			11.700	11.700			
2	Nâng cấp, mở rộng đầu tư trải thực nghiệm ứng dụng công nghệ sinh học cho Trung tâm KH&CN tỉnh Tây Ninh" (Giai đoạn 2)	Sở KH&CN	TP Tây Ninh		2022-2024			20.000	20.000			18.000	18.000			

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN DỰ KIẾN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSDP GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021-2025

LĨNH VỰC Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH

 *Đã xem theo Nghị quyết số 19 /NQ-HĐND ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh*

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	 Đơn vị đề xuất/CDT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú	
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NS tỉnh
	TỔNG						2.389.009	2.180.002		75.000	240.500	793.830	584.800		
I	Phân bổ theo nhiệm vụ, chương trình						2.132.230	1.923.223		0	0	623.230	414.200		
I.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025						2.132.230	1.923.223				623.230	414.200		
1	Dự án xây dựng Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Sở Y tế	DMC	1000 giường	2022-2029		1.900.000	1.900.000				399.700	399.700		
2	Đầu tư nâng cấp trang thiết bị y tế các Bệnh viện tuyến huyện tỉnh Tây Ninh	Sở Y tế	Các huyện, thành phố		2023-2024		232.230	23.223				223.530	14.500	Bổ sung DA mới, sử dụng vốn ODA Hàn Quốc	
II	Phân bổ theo định mức ngành, lĩnh vực						256.779	256.779		75.000	240.500	170.600	170.600		
I.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 05 năm 2021-2025						91.279	91.279		75.000	75.000	22.000	22.000		

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CĐT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
1	Nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh (giai đoạn 2)	BQLDA ĐTXD tỉnh	TP Tây Ninh	Xây mới	2019-2022	2657/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	91.279	91.279	75.000	75.000	22.000	22.000	Thay đổi số vốn lũy kế đã bố trí
II.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025						165.500	165.500	165.500	165.500	148.600	148.600	
1	Dự án xây dựng Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Sở Y tế	TP Tây Ninh		2021-2023		47.000	47.000	47.000	47.000	42.000	42.000	
2	Dự án nâng cấp Bệnh viện Lao và bệnh phổi	Sở Y tế	Châu Thành	70 giường	2021-2023		15.000	15.000	15.000	15.000	13.500	13.500	
3	Dự án thiết lập hệ thống bệnh án điện tử	Sở Y tế	Các huyện, thành phố	Các cơ sở khám chữa bệnh công lập	2021-2023		24.500	24.500	24.500	24.500	22.000	22.000	
4	Dự án xây dựng Khoa kiểm soát bệnh tật - Trung tâm y tế huyện Dương Minh Châu	Sở Y tế	DMC	Khoa kiểm soát bệnh tật	2021-2023		19.000	19.000	19.000	19.000	17.100	17.100	
5	Dự án nâng cấp khoa khám - cấp cứu - Trung tâm y tế huyện Châu Thành	Sở Y tế	Châu Thành		2021-2023		10.000	10.000		10.000	9.000	9.000	
6	Dự án đầu tư trang thiết bị y tế	Sở Y tế	Các huyện, thành phố		2023-2025		50.000	50.000		50.000	45.000	45.000	



Biểu 06

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN DỰ KIẾN BỎ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSDP GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021-2025

LĨNH VỰC VĂN HÓA, THÔNG TIN

(Kèm theo Nghị quyết số 19 /NQ-HBND ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CDT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		
							Tổng mức đầu tư									
	TỔNG						341.213	341.213	13.000	13.000	257.500	257.500				
II	Phân bổ theo định mức ngành, lĩnh vực						341.213	341.213	13.000	13.000	257.500	257.500				
II.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 05 năm 2021-2025						21.525	21.525	12.000	12.000	6.000	6.000				
1	Trung tâm Văn hóa nghệ thuật tỉnh	Sở VH, TT&DL	Tp. Tây Ninh	Xây mới	2020-2021	1383/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 266/QĐ-SKHDT ngày 30/10/2019	10.580	10.580	7.000	7.000	3.000	3.000				
2	Địa điểm lưu niệm Vành đai diệt Mỹ - Trảng Lớn	BQLDA BTXD tỉnh	Châu Thành		2019-2021	274/QĐ-SKHDT 30/10/2019; 285/QĐ-SKHDT 29/10/2020 (đ/c)	10.945	10.945	5.000	5.000	3.000	3.000				
II.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025						319.688	319.688	1.000	1.000	251.500	251.500				

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CDT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
1	Bảo tàng tỉnh	Sở KHĐT rà soát, bổ sung	TP. TN		2022-2025		150.000	150.000	1.000	1.000	104.000	104.000	
2	Xây dựng công trình văn hóa TTVHHTT và Truyền thanh huyện: hồ bơi huyện; Khán đài; Đường Pit sân bóng huyện	Sở VH, TT&DL	Khu phố 1, Thị trấn DMC	Xây dựng hồ bơi; Khán đài; Đường Pit sân bóng	2021-2025		15.000	15.000			13.500	13.500	
3	Trung tâm VHHTT và truyền thanh huyện, sân vận động 5.000 chỗ ngồi có đường pic, có mái che, hồ bơi, khu vui chơi	Sở VH, TT&DL	ấp Suối Mườn xã Thái Bình		2021-2025		14.972	14.972			13.500	13.500	
4	Đình Hiệp Ninh	Sở VH, TT&DL	Tp. Tây Ninh		2021-2022		4.000	4.000			3.600	3.600	
5	Thiên Mậu Hiếu	Sở VH, TT&DL	Tp. Tây Ninh		2022-2023		1.200	1.200			1.100	1.100	
6	DTLS Căn cứ Dương Minh Châu, xã Phước Ninh, huyện DMC	Sở VH, TT&DL	xã Phước Ninh, huyện DMC	XD các hạng mục: công, hàng rào, NVS, nhà ăn; khôi phục các yếu tố gốc của KV1, KV2	2021-2025		22.500	22.500			20.300	20.300	
7	Nhà văn hóa người Tà Mun - xã Suối Đá	Sở VH, TT&DL	xã Suối Đá		2023-2024		2.000	2.000			1.800	1.800	
8	DTLS VH Đình Thần Phước Hội, xã Suối Đá, huyện DMC	Sở VH, TT&DL	xã Suối Đá	Trùng tu, tôn tạo: khu chánh điện, khu Võ Ca và các hạng mục di tích	2022-2023		7.000	7.000			6.300	6.300	

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Sơ lược thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú	
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NS tỉnh
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh							
9	Tu bổ, tôn tạo sửa chữa di tích lịch sử văn hoá cấp tỉnh căn cứ Huyện uỷ Toà Thành (Năm Trại)	Sở VH, TT&DL	Hòa Thành		2022-2023		2.500	2.500				2.300	2.300		
10	Tu bổ, Tôn tạo Di tích Rạch Tràm - Phước Chi	Sở VH, TT&DL	X. Phước Chi		2022-2023		2.500	2.500				2.300	2.300		
11	Tu bổ, tôn tạo DTLS Chiến thắng Tủa Hai - GD2	Sở VH, TT&DL	X. Đồng Khởi	Mở rộng	2021-2025		15.000	15.000				13.500	13.500		
12	Dự án phục dựng hiện trạng Căn cứ xứ ủy Nam Bộ (X40 Đồng Rùm) và một số công trình mới	Sở VH, TT&DL	Tân Thành		2021-2025		21.164	21.164				19.000	19.000		
13	Trung tâm văn hóa huyện Tân Châu (GD2)	Sở VH, TT&DL	TT. Tân Châu		2022-2025		31.000	31.000				27.900	27.900		
14	Căn cứ Rừng Nhum	Sở VH, TT&DL	Long Phước - B. Cầu		2023-2025		8.600	8.600				7.700	7.700		
15	Thành Bảo Long Giang	Sở VH, TT&DL	Long Giang- B. Cầu		2021-2022		8.000	8.000				7.200	7.200		
16	Nhà bia tưởng niệm Liên đội 7 núi Bà Tây Ninh	Ban QL Khu du lịch quốc gia núi Bà Đen	TP. TN	Xây mới nhà bia tưởng niệm 100m2; nhà nghỉ chái, sân lễ,...	2021-2022	83/QĐ-SKHDT 11/3/2021	2.252	2.252				2.000	2.000	Bổ sung DA mới	
17	Địa điểm lưu niệm Trường Nội trú Hoàng Lê Kha	VP Tỉnh ủy	TP. TN		2021-2022		2.000	2.000				2.000	2.000	Bổ sung DA mới	



STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CĐT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
18	Các công trình phục vụ du lịch sinh thái Vườn Quốc gia Lò Gò - Xa Mát	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tân Biên		2024-2026		10.000	10.000			3.500	3.500	



DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ KIẾN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSDP GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021-2025

LĨNH VỰC PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN

(Kèm theo Nghị quyết số 19 /NQ-HĐND ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CDT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020	Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú			
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh
	TỔNG						269.070	269.070			72.200	72.200				
II	Phân bổ theo định mức ngành, lĩnh vực						269.070	269.070			72.200	72.200				
II.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025						269.070	269.070			72.200	72.200				
1	Dự án xây dựng trụ sở làm việc Đài truyền hình	Đài PTTH TN	TP Tây Ninh		2023-2027		120.000	120.000			52.200	52.200				
2	Dự án thiết bị phim trường 300 chỗ	Đài PTTH TN	TP Tây Ninh		2023-2027		49.400	49.400			20.000	20.000				

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN DỰ KIẾN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSDP GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021-2025

LĨNH VỰC: THỂ DỤC, THỂ THAO

Kiểm theo Nghị quyết số 19 /NQ-HĐND ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh



ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CDT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025)		Ghi chú
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025)					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
	TỔNG					119.800	119.800					103.500	103.500			
II	Phân bổ theo định mức ngành, lĩnh vực					119.800	119.800					103.500	103.500			
II.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025					119.800	119.800					103.500	103.500			
1	Trung tâm huấn luyện và Thi đấu thể thao (GD2)	Sở VH, TT&DL	Châu Thành		2021-2025	60.000	60.000					54.000	54.000			
2	Nhà thi đấu TDTT	Sở VH, TT&DL	Tp. Tây Ninh		2022-2025	55.000	55.000					49.500	49.500			

DANH MỤC CHẾ ĐỘ, TRÌNH DỰ ÁN DỰ KIẾN BỎ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSDP GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021-2025

LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Nghị quyết số 19 /NQ-HĐND ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)



ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CDT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bỏ trí từ khởi công đến hết 2020		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	
	TÔNG						2.022.852	675.865	25.000	25.000	1.203.925	457.590		
I	Phân bổ theo nhiệm vụ, chương trình						1.665.715	318.728			908.925	162.590		
1.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 05 năm 2021-2025						1.665.715	318.728			908.925	162.590		
1	Bờ kè chống sạt lở suối Cắn Dăng chảy qua trung tâm thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên	UBND huyện Tân Biên	Thị trấn Tân Biên	xây dựng bờ kè chống sạt lở bờ suối Cắn Dăng và các hạng mục xây dựng cảnh quan hai bên bờ kè	2020-2023	1641/QĐ-UBND 31/7/2020	234.835	117.418			212.635	65.200	NSTW năm 2021-2025 là 120 tỷ đồng	
2	Dự án Phát triển các đô thị hành lang tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng tại Mộc Bài - Tỉnh Tây Ninh	BQLDA GMS	Mộc Bài, Bến Cầu	13km đường BTNN; hệ thống cấp nước 7000m3/ngày; hệ thống xử lý nước thải 9000m3/ngày; cơ sở thu hồi, phân loại rác; SC, cải tạo và nâng cấp đường An Thanh - Phước Chi và Hệ thống thu gom nước thải thị trấn Bến Cầu	2014-2020	140/QĐ-BQLKT 26/7/2012; 2006/QĐ-UBND 17/9/2019; 945/QĐ-UBND 11/5/2020; 2643/QĐ-UBND ngày 28/10/2020	1.075.290	107.620			340.700	30.700		
3	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải thành phố Tây Ninh	UBND thành phố Tây Ninh	thành phố Tây Ninh	10.000 m3/ngđ	2019-2022	835/QĐ-UBND 12/4/2017; 1100/QĐ-UBND 17/5/2018; 413/QĐ-UBND 08/02/2018; 2372/QĐ-UBND 25/9/2018; 2741/QĐ-UBND 12/11/2018	355.590	93.690			355.590	66.690		

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CĐT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
II	Phân bổ theo định mức ngành, lĩnh vực						357.137	357.137	25.000	25.000	295.000	295.000	
II.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 05 năm 2021-2025						107.730	107.730	25.000	25.000	72.000	72.000	
1	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Trảng Bàng công suất 10.000 m3/ngày - giai đoạn 1	UBND huyện Trảng Bàng	An Tịnh, Trảng Bàng	10.000 m3/ngđ	2019-2022	22/NQ-HĐND 11/7/2019; 2362/QĐ-UBND 31/10/2019	107.730	107.730	25.000	25.000	72.000	72.000	
II.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025						249.407	249.407			223.000	223.000	
1	Hệ thống xử lý nước thải đô thị Hòa Thành (giai đoạn 1)	BQL DA ĐTXD tỉnh	Hòa Thành		2020-2022	1249/QĐ-UBND 22/6/2020	148.251	148.251			130.000	130.000	
2	Hệ thống xử lý nước thải thị trấn Châu Thành (giai đoạn 1)	BQL DA ĐTXD tỉnh	Châu Thành		2020-2022	3265/QĐ-UBND 31/12/2020	51.156	51.156			48.000	48.000	
3	Hệ thống thu gom nước thải và vỉa hè Khu phố 3, Khu phố 4 Thị trấn Dương Minh Châu	UBND huyện Dương Minh Châu	thị trấn		2022-2025		50.000	50.000			45.000	45.000	

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN DỰ KIẾN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSDP GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021-2025

CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, DIỆM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN

(Kèm theo Nghị quyết số 19 /NQ-HBND ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CDT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020	Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	
	TỔNG						4.257.168	1.847.157	1.069.300	61.300	878.380	608.580	
1	Phân bổ theo nhiệm vụ, chương trình						3.753.727	1.343.716	1.018.000	10.000	455.700	185.900	
I.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 05 năm 2021-2025						1.147.727	300.600	1.018.000	10.000	270.000	30.000	
1	Tuổi tiêu khu vực phía Tây sông Vàm Cò Đông giai đoạn 1	Sở NN&PTNT	Châu Thành, Bến Cầu	17.000 ha	2018-2022	2527/QĐ-UBND 27/10/2017; 363/QĐ-UBND ngày 27/02/2020	1.147.727	300.600	1.018.000	10.000	270.000	30.000	Vốn NSTW 2021-2025 là 240 tỷ
I.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025						2.606.000	1.043.116	0	0	185.700	155.900	
1	Phát triển hạ tầng chuỗi giá trị nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu	Sở NN&PTNT	toàn tỉnh		2025-2028		1.316.000	152.724			39.800	10.000	
2	Dự án Nước sạch và Vệ sinh nông thôn giai đoạn 2021 – 2025	Sở NN&PTNT	toàn tỉnh		2025-2028		440.000	40.392			10.000	10.000	

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CĐT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					
3	Tưới tiêu khu vực phía Tây sông Vàm Cỏ Đông giai đoạn 2 (kiến cổ hóa kênh chính, kênh cấp 1,2,3 và kênh tiêu)	Sở NN&PTNT	Châu Thành, Bến cầu	17.000 ha	2023-2026		600.000	600.000			65.900	65.900	
4	Trạm bơm Tân Long	Sở NN&PTNT	Châu Thành	tưới 731,85 ha	2021-2025		250.000	250.000			70.000	70.000	Vốn NSTW 2021-2025 là 180 tỷ
II	Phân bổ theo định mức ngành, lĩnh vực						503.441	503.441	51.300	51.300	422.680	422.680	
II.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 05 năm 2021-2025						121.593	121.593	51.300	51.300	20.100	20.100	
1	Phát triển và bảo vệ rừng bền vững	Sở NN&PTNT					7.547	7.547	0	0	5.700	5.700	
-	Dự án Bảo vệ và phát triển rừng Khu rừng phòng hộ Dầu Tiếng	Sở NN&PTNT	DMC		2016-2020	29/QĐ-UBND ngày 14/12/2017	4.977	4.977			4.970	4.970	
-	Dự án bảo vệ và phát triển rừng Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát	Ban QL vườn QG Lò Gò - Xa Mát	Tân Biên				2.570	2.570			610	610	
-	Dự án bảo vệ và phát triển rừng Khu rừng Văn hóa - Lịch sử Núi Bà, giai đoạn 2011-2020	Sở NN&PTNT	TP.TN	tiểu khu 65, 66	2012-2020	1105/QĐ-UBND ngày 13/6/2013; 3032/QĐ-UBND ngày 24/12/2017	11.486	11.486			120	120	

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CĐT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư						Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
2	Dự án phát triển hạ tầng phục vụ chuyển đổi cây trồng xã Lộc Ninh, huyện DMC - HM: nạo vét kết hợp làm đường giao thông nội đồng 02 kênh tiêu T12A, T12-17	Sở KHĐT rà soát, bổ sung	xã Lộc Ninh, huyện Dương Minh Châu		2019-2021		1405/QĐ-UBND ngày 02/7/2019	13.352							13.352	8.730	8.730	3.300
3	Dự án phát triển hạ tầng phục vụ chuyển đổi cây trồng xã Phước Ninh, xã Phước Minh huyện DMC - HM: nạo vét kết hợp làm đường giao thông nội đồng 03 kênh tiêu T0-2, T0-3, A4	Sở KHĐT rà soát, bổ sung	xã Phước Ninh, Phước Minh, huyện Dương Minh Châu		2019-2021	1406/QĐ-UBND ngày 02/7/2019	14.902	14.902	12.600	12.600	2.000	2.000						
4	Dự án phát triển hạ tầng phục vụ chuyển đổi cây trồng xã Trường Mít, huyện DMC - HM: nạo vét kết hợp làm đường giao thông nội đồng 02 kênh tiêu T12-13, T12-16	Sở KHĐT rà soát, bổ sung	xã Trường Mít, huyện Dương Minh Châu		2019-2021	1407/QĐ-UBND ngày 02/7/2019	8.164	8.164	6.120	6.120	3.000	3.000						
5	Dự án phát triển hạ tầng phục vụ chuyển đổi cây trồng xã Tân Phong, xã Mỏ Cống, huyện Tân Biên - HM: nạo vét kết hợp làm đường giao thông nội đồng 02 kênh tiêu T1, T3	Sở KHĐT rà soát, bổ sung	xã Tân Phong, xã Mỏ Cống, huyện Tân Biên		2019-2021	1408/QĐ-UBND ngày 02/7/2019	14.956	14.956	11.250	11.250	2.200	2.200						

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CĐT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					
6	Dự án phát triển hạ tầng phục vụ chuyển đổi cây trồng xã Bàu Đồn, huyện Gò Dầu - HM: nạo vét kết hợp làm đường giao thông nội đồng 03 kênh tiêu T4B, T4 B0, T4-B3	Sở KHĐT rà soát, bổ sung	xã Bàu Đồn, huyện Gò Dầu		2019-2021	1409/QĐ-UBND ngày 02/7/2019	14.995	14.995	12.600	900	900		
7	Kênh tiêu Tân Phú - Tân Hưng	BQLDA ĐTXD ngành NN và PTNT	Tân Châu	dài 5.869km	2018-2021	474/QĐ-SKHĐT 27/10/2017; 90/QĐ-SKHĐT 22/4/2020 (đ/c)	36.191	36.191		3.000	3.000		
II.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025							381.848			402.580	402.580	
a	Lĩnh vực Lâm nghiệp							157.848	0	0	144.000	144.000	
1	Đề án quản lý, phát triển rừng sản xuất tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2025, định hướng đến năm 2030	Sở NN&PTNT	Toàn tỉnh		2020-2025	1555/QĐ-UBND ngày 22/7/2019	66.020	66.020			59.400	59.400	
2	Dự án trồng cây phân tán tỉnh Tây Ninh	Sở NN&PTNT	Toàn tỉnh		2021	2456/QĐ-UBND ngày 28/10/2014; 2160/QĐ-UBND ngày 29/8/2018	5.900	5.900			5.900	5.900	
3	Dự án Bảo vệ và phát triển rừng Khu rừng phòng hộ Dầu Tiếng	Sở NN&PTNT	Tân Châu		2021-2023		34.495	34.495			31.000	31.000	

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CĐT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025				Ghi chú
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
4	Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát giai đoạn 2021-2025	Sở NN&PTNT, VQG Lò Gò Xa Mát	Tân Biên		2025-2026			20.633	20.633				18.600	18.600				
5	Nâng cấp, sửa chữa nhà làm việc Hạt Kiểm lâm liên huyện Châu Thành - Bến Cầu	Sở NN&PTNT	Huyện Châu Thành		2021-2023			2.000	2.000				1.800	1.800				
6	Xây mới tháp canh lửa - BQL Dầu Tiếng	Sở NN&PTNT	Tân Châu	02 cái	2021-2023			5.000	5.000				4.500	4.500				
7	Xây mới nhà Trạm bảo vệ rừng VQG Lò Gò - Xa Mát	Sở NN&PTNT	Tân Biên		2022-2024			3.200	3.200				2.900	2.900				
8	Sửa chữa, trạm đội, chốt bảo vệ rừng - BQL Chàng Riệc	Sở NN&PTNT	Tân Biên		2022-2024			1.900	1.900				1.900	1.900				
9	Xây mới chòi canh lửa - VQG Lò Gò Xa Mát	Sở NN&PTNT	Tân Biên	02 cái	2023-2024			1.800	1.800				1.800	1.800				
10	Xây mới nhà Trạm BVR, Đội QL BV&PTR	Sở NN&PTNT	huyện Tân Châu	12 cái	2023-2025			7.000	7.000				7.000	7.000				
11	Xây dựng nhà trạm bảo vệ rừng - BQL Núi Bà	Sở NN&PTNT	Tiểu khu 66		2025			1.000	1.000				900	900				

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CDT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					
12	Nhà bảo vệ khu vực căn cứ Suối Môn - BQL Núi Bà	Sở NN&PTNT	Tiểu khu 66		2025		700	700			600	600	
13	Nhà bảo vệ khu vực Liên đội 7 - BQL Núi Bà	Sở NN&PTNT	Tiểu khu 66		2025		700	700			600	600	
14	Nâng cấp, sửa chữa nhà làm việc Trạm kiểm lâm Dầu Tiếng thuộc Hạt Kiểm lâm huyện Tân Châu	Sở NN&PTNT	Huyện Tân Châu		2025		2.000	2.000			1.800	1.800	
15	Xây dựng tháp canh lửa rừng và nhà trạm bảo vệ rừng BQL Núi Bà	BQL Khu du lịch Núi Bà	TP. Tây Ninh				3.000	3.000			2.800	2.800	
16	Dự án trồng rừng mới Khu rừng văn hóa-lịch sử Núi Bà, giai đoạn 2023-2025	BQL Khu du lịch Núi Bà	Tiểu khu 66	60 ha	2023-2025		2.500	2.500			2.500	2.500	
17	Sửa chữa mở rộng nhà làm việc BQL dự án ngành Nông nghiệp và Trung tâm nước sạch VSMT	Sở NN&PTNT	TPTN		2021-2023		2.900	2.900			2.600	2.600	
18	Sửa chữa, xây mới một số hạng mục trại giống, cây trồng	Sở NN&PTNT	toàn tỉnh		2023-2025		3.500	3.500			2.800	2.800	

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CĐT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bỏ trí từ khởi công đến hết 2020				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		
19	Lĩnh vực Thủy lợi							224.000	224.000					258.580	258.580	
20	Làm mới và gia cố kênh TN19-1 đoạn từ K1+299 đến K1+629 và bổ sung công điều tiết tự tràn tại K1+299	Sở NN&PTNT, Cty TNHH MTV K.TTL	Châu Thành	Tưới 110 ha	2021-2022			3.000	3.000					2.400	2.400	
21	Làm mới Công tiêu luồng K19+800 kênh chính Tân Hưng	Sở NN&PTNT	Tân Biên	Tiêu 7.100 ha	2021-2022			10.000	10.000					8.100	8.100	
22	Kênh tiêu xã Tân Lập	Sở NN&PTNT	Tân Biên	5,1 km	2021-2023			31.000	31.000					28.000	28.000	
23	Kênh tiêu Tân Hiệp	Sở NN&PTNT	Tân Châu	4,27 km	2022-2023			15.000	15.000					12.300	12.300	
24	Nạo vét kênh tiêu Biên Giới	Sở NN&PTNT	Tràng Bàng	Tưới 6.000 ha	2022-2023			6.000	6.000					5.000	5.000	
25	Kênh tiêu Suối Ông Hùng	Sở NN&PTNT	Dương Minh Châu		2023-2024			8.000	8.000					6.300	6.300	
26	Kênh tiêu Suối Bàu Rong Gia Bình	Sở NN&PTNT	Tràng Bàng		2023-2024			17.000	17.000					13.200	13.200	

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CDT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					
27	Gia cố kênh TN17 đoạn từ K0 đến K0+850 (L=850m)	Sở NN&PTNT	Châu Thành	Tươi 5.610 ha	2023-2024		20.000	20.000			18.000	18.000	
28	Gia cố kênh TN17 đoạn từ K1+900 - K2+500 (L=600m)	Sở NN&PTNT, Cty TNHH MTV KTTL	Châu Thành	Tươi 5.610 ha	2022-2024		5.000	5.000			4.100	4.100	
29	Gia cố kênh N8 đoạn từ K5+855 đến K7+753	Sở NN&PTNT, Cty TNHH MTV KTTL	Gò Dầu		2022-2024		5.000	5.000			4.100	4.100	Điều chỉnh thời gian thực hiện
30	Gia cố kênh N20 đoạn từ K4 đến K5+300	Sở NN&PTNT, Cty TNHH MTV KTTL	Trảng Bàng		2022-2024		5.000	5.000			4.100	4.100	
31	Nạo vét rạch Gò Suối	Sở NN&PTNT	Bến Cầu	3,7 km	2024-2025		25.000	25.000			19.500	19.500	
32	Nạo vét rạch Bảo từ sông Vàm cỏ đến Cầu Thúc Múc	Sở NN&PTNT	Bến Cầu	8,5 km	2025-2027		17.000	17.000			1.000	1.000	
33	Kênh tiêu suối Nước Đục	Sở NN&PTNT	Tân Châu	6,25 km	2025		37.000	37.000			27.900	27.900	

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CDT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		
34	Nạo vét kênh Địa Xù từ cầu Địa Xù đến giáp rạch Vàm Bão	Sở NN&PTNT	Bến Cầu	10 km	2025		20.000	20.000			17.100	17.100		
35	Kênh tiêu TT2-17	Sở NN&PTNT	Dương Minh Châu	4,2Km	2021-2023		58.274	58.274			52.500	52.500		
36	Làm mới đập Tha La, huyện Tân Châu	Sở NN&PTNT	Tân Châu		2021-2025		200.000	200.000			2.000	2.000	Vốn NSTW là 140 tỷ	
37	Hệ thống công điều tiết nước trên suối Đa Ha	BQL Vườn QG Lò Gò - Xa Mát	Tân Biên		2025-2027		39.000	39.000			15.800	15.800		
38	Đầu tư hạ tầng phục vụ vùng nuôi trồng thủy sản	Sở NN&PTNT			2024-2026		44.000	44.000			17.180	17.180		
38.1	01 vùng - ấp Thanh An, xã Mỏ Công, huyện Tân Biên	Sở NN&PTNT	Tân Biên	200 ha	2024-2026		32.000	32.000			13.600	13.600		
38.2	01 vùng - xã An Cọ, huyện Châu Thành	Sở NN&PTNT	Châu Thành	150 ha	2025-2027		12.000	12.000			3.580	3.580		

DANH MỤC CHUÔNG TRÌNH, DỰ ÁN DỰ KIẾN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSDP GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021-2025

CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - LĨNH VỰC GIAO THÔNG



(Kèm theo nghị quyết số 19 /NQ-HĐND ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CDT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020	Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú			
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NS tính	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NS tính	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tính
							Tổng mức đầu tư										
TỔNG																	
I	Phân bổ theo nhiệm vụ, chương trình						10.409.166	7.126.310	798.900	448.900	4.955.940	1.898.940					
I.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 05 năm 2021-2025						9.036.413	5.763.268	360.000	10.000	4.546.940	1.489.940					
1	Nâng cấp, mở rộng DT 782 - DT 784 (từ ngã ba tuyến tránh QL22B đến ngã tư Tân Bình)	BQL DTXD ngành GT	Trảng Bàng, Dương Minh Châu, Tân Biên	46,288 km BTN	2018-2021	2557/QĐ-UBND 31/10/2017	1.837.280	1.837.280	360.000	10.000	401.000	301.000					
2	Nâng cấp, mở rộng DT 793 - DT792 (đoạn từ ngã tư Tân Bình đến cửa khẩu Chàng Rìe)	BQL DTXD ngành GT	TP Tây Ninh, Châu Thành, Tân Biên	46km BTN, bmd=7m; bmd=12m	2019-2023	734/QĐ-UBND ngày 26/03/2019	669.345	669.345	360.000	10.000	151.000	51.000		Dự án đã được phân bổ KHV năm 2021 là 100 tỷ đồng từ nguồn DP NSTW năm 2020			
I.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025						7.199.133	3.925.988			4.145.940	1.188.940					
1	Tiểu dự án Giải phóng mặt bằng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài đoạn qua địa phận tỉnh Tây Ninh	BQL DTXD ngành GT	TP HCM - Tây Ninh	Bồi thường: 231,04 ha	2022-2025	46/NQ-HĐND 06/12/2019	1.532.000	1.532.000			987.000	100.000					
2	Đường liên tuyến kết nối vùng N8-787B-789	BQL DTXD ngành GT	TX Trảng Bàng, DMC	46 Km BTN và 37m cầu BTCT	2021-2026		3.417.465	894.340			2.094.340	894.340		NSTW hỗ trợ giai đoạn 2021-2025 là 1.200 tỷ đồng			
3	Nâng cấp, mở rộng DT.795	BQL DTXD ngành GT	Tân Biên, Tân Châu	Đoạn trong đô thị thâm BTN bù phụ; đoạn ngoài đô thị bmd=11m, bnd=12m; đoạn làm mới bmd=7m, bnd=9m	2021-2024		609.005	109.005			520.000	20.000		Vốn NSTW 2021-2025 là 500 tỷ			

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CDT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
4	Đường tránh QL22B qua thị trấn Tân Biên	BQL ĐTXD ngành GT	Tân Biên	9,0 Km BTN, bmd=11m, bnd=12m	2024-2027		345.433	345.433			24.600	24.600	
5	Nâng cấp, mở rộng đường Bờ Lởi (đoạn từ ngã ba Lâm Vò đến ngã tư Đại Đồng)	BQL ĐTXD ngành GT	TP. TN, DMC	5,0 Km BTN	2025-2028		362.664	362.644			30.000	30.000	
6	Đường 794 đoạn từ ngã ba Kà Tum đến cầu Sài Gòn (giai đoạn 2)	BQL ĐTXD ngành GT	Tân Châu	16 Km BTXM	2021-2024	2688/QĐ-UBND 03/11/2020	499.942	249.942			470.000	100.000	Vốn NSTW 2021-2025 là 370 tỷ
7	Đường ĐT.785 (từ ranh TT.Tân Châu đến ngã ba Kà Tum QL.14C)	BQL ĐTXD ngành GT	Tân Châu	13,4 Km BTN, bmd=13,5m, bnd=14,5m	2025-2028		432.624	432.624			20.000	20.000	
II	Phân bổ theo định mức ngành, lĩnh vực						1.372.753	1.363.042	438.900	438.900	409.000	409.000	
II.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 05 năm 2021-2025						1.372.753	1.363.042	438.900	438.900	409.000	409.000	-
1	Đường Đất Sét - Bến Cùi	BQL ĐTXD ngành GT	DMC	13.729 km BTN, bmd = 7m, bnd = 12m	2018-2021	2517/QĐ-UBND 27/10/2017; 2466/QĐ-UBND 14/11/2019 (d/c)	517.902	517.902	230.000	230.000	110.000	110.000	
2	Cầu An Hòa	BQL ĐTXD ngành GT	Trảng Bàng	Cầu BTCT DUL, L=452,33m	2018-2021	1842/QĐ-UBND 24/7/2018	399.215	399.215	150.300	150.300	106.000	106.000	
3	Đường Trần Phú (đoạn từ cửa số 7 nội ô Tòa Thánh đến QL22B)	BQL ĐTXD ngành GT	Hòa Thành	15.235 km BTN, bmd = 8m, bnd = 9m	2020-2023	2184/QĐ-UBND ngày 08/10/2019	199.454	199.454	22.400	22.400	90.000	90.000	
4	Đường 781 từ thị trấn Châu Thành đến cửa khẩu Phước Tân	BQL ĐTXD ngành GT	Châu Thành	15,235km BTN, bmd = 8m, bnd = 9m	2019-2021	2368/QĐ-UBND 31/10/2019	138.000	128.289	16.200	16.200	64.000	64.000	
5	Đường 790 nối dài, đoạn từ Khedol - Suối Đá (ĐT.790B) đến Bờ Hồ - Bàu Vương - Cổng số 3 (ĐT.781B) Giai đoạn 2	BQL ĐTXD ngành GT	DMC	6,9 km BTN, bmd = 14m, bnd = 40m	2019-2021	271/QĐ-SKHĐT 30/10/2019	48.229	48.229			14.000	14.000	
6	Nâng cấp đường liên xã Phước Trạch - Hiệp Thanh - Phước Thạnh	UBND huyện Gò Dầu	Gò Dầu	7.101,5m, BTN, rộng 7m	2019-2021	880/QĐ-UBND ngày 12/4/2019	69.953	69.953	20.000	20.000	25.000	25.000	

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ KINH BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSDP GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021-2025 - NGUỒN NSDP BỔ SUNG

CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - LĨNH VỰC GIAO THÔNG



Kèm theo ghi quyết số 19 /NQ-HĐND ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CDT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 - bổ sung		Ghi chú	
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tính	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tính	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NS tính
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tính							
TỔNG															
I	Phân bổ theo nhiệm vụ, chương trình						12.424.699	2.724.013	-	-	-	1.815.500	1.715.500		
							10.688.000	987.314	-	-	-	987.000	887.000		
I.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025						10.688.000	987.314				987.000	887.000		
1	Tiểu dự án Giải phóng mặt bằng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài đoạn qua địa phận tỉnh Tây Ninh	BOL DTXD ngành GT	TP HCM - Tây Ninh	Bồi thường: 231,04 ha	2020-2027	46/NQ-HĐND 06/12/2019	10.688.000	987.314				987.000	887.000		
II	Phân bổ theo định mức ngành, lĩnh vực						1.736.699	1.736.699	-	-	-	828.500	828.500		
II.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025						1.736.699	1.736.699				828.500	828.500		
1	Nâng cấp, mở rộng đường Huỳnh Tấn Phát	UBND Thành phố	Phường Hiệp Ninh, Ninh Sơn, TP. TN	2,2km BTN	2021-2025		70.000	70.000				63.000	63.000		
2	Nâng cấp, mở rộng đường từ Huyện đội – Ngã 3 Sô - Đường huyện 3 - Đường huyện 4	UBND huyện Châu Thành	Thị trấn, Thới Bình, Trĩ Bình, Hào Đức, An Cự, Châu Thành	Dài 14.000m; Mặt đường BTN rộng 7,0m; lề rộng 1m x 2=2m	2021-2025	3019/QĐ-UBND 10/12/2020	80.360	80.360				72.300	72.300		
3	Nâng cấp, mở rộng Đường Cẩm An Lăng Cát	UBND huyện Gò Dầu	Xã Cẩm Giang, Gò Dầu	Mở rộng bề tổng nhưa chiều dài 5,32km; ngang 7m; nền đường 9m	2021-2023	265/QĐ-SKHĐT 19/10/2020	45.000	45.000				40.500	40.500	Điều chỉnh tên dự án	
4	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Cầu Phao (đoạn từ giáp đường Xuyên Á đến giáp ranh Thị trấn Bến Cầu)	UBND huyện Bến Cầu	Xã An Thạnh, xã Lợi Thuận, Bến Cầu	Dài 7,6km BTN	2024-2027		234.549	234.549				44.700	44.700	Điều chỉnh TMDT, TG thực hiện DA	

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CĐT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bỏ từ khởi công đến hết 2020		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 - bổ sung		Ghi chú
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
5	Mở rộng ngã ba thành ngã tư thị trấn Tân Biên	UBND huyện Tân Biên	Thị trấn Tân Biên		2024-2027		229.801		229.801		70.000	70.000	
6	Đường ĐH.803 – Tân Hòa (tổ 244)	UBND huyện Tân Châu	Tân Hòa, Tân Châu	Đường láng nhựa dài 13.250m, mặt đường rộng 5,5m, nền đường rộng 7m	2021-2023	217/QĐ-SKHĐT 07/9/2020	75.343		75.343		67.800	67.800	
7	Đường Lộ Kiểm đoạn qua 04 xã Phước Ninh, Chà Lã, Cầu Khởi, Phước Minh	UBND huyện Dương Minh Châu	Dương Minh Châu	Đường láng nhựa dài 6,8km, mặt đường rộng 5,5m	2021-2023	269/QĐ-SKHĐT 21/10/2020	27.000		27.000		24.300	24.300	
8	Đường ĐH 9 giai đoạn 2	UBND huyện Dương Minh Châu	Dương Minh Châu	Đường láng nhựa dài 7,5km, mặt đường rộng 5,5m	2022-2024		30.000		30.000		27.000	27.000	
9	Trường Hòa- Chà Lã (từ Nguyễn Văn Linh đến ĐT784)	BQL ĐTXD ngành GT	Hòa Thành-DMC	Dài 5km BTN	2021-2024		220.307		220.307		198.000	198.000	
10	Tiểu dự án đường mòn Bàu Tả On (thuộc dự án Đường ra cửa khẩu biên mậu)	BQL ĐTXD ngành GT	Châu Thành	8,435 Km LN, bmd=7m, bnd=9m	2021-2024	19/NQ-HĐND ngày 11/7/2019	95.352		95.352		86.000	86.000	

DANH MỤC CHỖ ĐÓNG THÍNH DƯ AN DỰ KIẾN BỎ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSDP GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021-2025

CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - LĨNH KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU KINH TẾ

Thống kê theo ngành kinh tế và lĩnh vực, số 19 /NQ-HĐND ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh



DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CDT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bỏ trí từ khởi công đến hết 2020		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	
	TỔNG						1.038.688	292.688				864.100	203.700	
II	Phân bổ theo định mức ngành, lĩnh vực						1.038.688	292.688				864.100	203.700	
II.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025						1.038.688	292.688				864.100	203.700	
1	Đường D1 Khu kinh tế Xa Mát	BQLKKT tỉnh	Khu kinh tế cửa khẩu Xa Mát	2800m BTNN	2024 - 2026		69.636	69.636				33.500	33.500	
2	Kênh thoát nước	BQLKKT tỉnh	Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài	8600m kênh	2024-2026		59.000	59.000				14.200	14.200	
3	Đường DD.6A Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài	BQLKKT Tỉnh	Bến Cầu	1100m BTNN	2021-2023		58.052	58.052				50.000	50.000	
5	Đầu tư các dự án thuộc KKTCK Mộc Bài	BQL KKT Tỉnh	Bến Cầu	đường giao thông nội bộ KKTCK	2022-2025	2783/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	456.000	50.000				410.400	50.000	NSTW/ 2021-2025 là 360,4 tỷ đồng

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CDT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
6	Xây dựng cửa khẩu quốc tế Tân Nam	BQL Tỉnh	Tân Biên	XD trạm kiểm soát liên hợp, nhà ở các lực lượng liên ngành; trạm kiểm soát biên phòng; quốc mìn; đường trục chính, bãi xe, kho	2022-2025		176.000	28.000			158.000	28.000	NSTW 2021-2025 là 130 tỷ đồng
7	Xây dựng cửa khẩu chính Phước Tân	BQL Tỉnh	Châu Thành	XD trạm kiểm soát liên hợp, nhà ở các lực lượng liên ngành; trạm kiểm soát biên phòng; quốc mìn; đường trục chính, bãi xe, kho	2022-2025		220.000	28.000			198.000	28.000	NSTW 2021-2025 là 170 tỷ đồng



DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH DỰ ÁN ĐIỀU KIỆN BỎ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSDP GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021-2025

CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - LĨNH VỰC CẤP NƯỚC, THOÁT NƯỚC

(Kèm theo Nghị quyết số 19 /NQ-HĐND ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CĐT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bỏ trí từ khởi công đến hết 2020		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
	TỔNG						1.350.989	1.349.489	45.000	45.000	370.700	370.700	-	
II	Phân bổ theo định mức ngành, lĩnh vực						1.350.989	1.349.489	45.000	45.000	370.700	370.700		
II.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 05 năm 2021-2025						122.967	122.967	45.000	45.000	50.200	50.200		
a	THOÁT NƯỚC						122.967	122.967	45.000	45.000	50.200	50.200		
1	Hệ thống thoát nước khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Sở KHDĐT rà soát, bổ sung	TP. Tây Ninh - Hòa Thành	hệ thống mương, cống thoát nước	2019-2021	2366/QĐ-UBND ngày 31/10/2020	90.776	90.776	20.000	20.000	42.000	42.000		
2	Hệ thống thoát nước và vỉa hè đường Nguyễn Văn Linh (giai đoạn 1)	Sở KHDĐT rà soát, bổ sung	Hòa Thành	Hệ thống thoát nước dọc, vỉa hè 2x1,2m	2019-2021	1402/QĐ-UBND ngày 02/7/2019; 255/QĐ-SKHDT 28/10/2019	32.191	32.191	25.000	25.000	8.200	8.200		

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CĐT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
II.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025						1.228.022	1.226.522			320.500	320.500	
a	THOÁT NƯỚC						1.157.222	1.157.222	0	0	257.700	257.700	
1	Xây dựng các tuyến mương, cống trong diềm ngập số 3 và số 4	BQLDA ĐTXD Tỉnh	Hòa Thành		2022-2025		106.080	106.080			96.300	96.300	
2	Nạo vét các tuyến kênh và mạng lưới thoát nước hiện có (kênh Ao hồ, suối Giải Khố - Rạch Rẽ, kênh suối Vườn Điều)-gđ2	BQLDA ĐTXD Tỉnh	TP. Tây Ninh, Hòa Thành		2021-2023		10.414	10.414			9.800	9.800	
3	Chống ngập diềm ngập 140ha tại phường Ninh Thạnh	BQLDA ĐTXD Tỉnh	TP. Tây Ninh		2021-2022		35.470	35.470			32.500	32.500	
4	Chống ngập diềm ngập số 2 tại khu dân cư Khu phố 5, P.3	BQLDA ĐTXD Tỉnh	TP. Tây Ninh		2021-2022		5.080	5.080			4.800	4.800	
5	Hệ thống thoát nước đường Nguyễn Văn Cừ đến Quốc lộ 22B, Rạch Sevil	UBND thị xã Hòa Thành	Hòa Thành		2021-2022		35.640	35.640			32.000	32.000	
6	Mở rộng và Hệ thống thoát nước đường Tôn Đức Thắng (Giai đoạn 1, từ đường Thượng Thầu Thanh đến Km2-280)	UBND thị xã Hòa Thành	Hòa Thành		2023-2024		41.337	41.337			37.000	37.000	

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CĐT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú	
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tính	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tính	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NS tính
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tính							
7	Dự án chống ngập và phát triển hạ tầng kỹ thuật thị xã Trảng Bàng - giai đoạn 1.	UBND thị xã Trảng Bàng	Thị trấn Trảng Bàng		2024-2027			60.000	60.000			17.900	17.900		
8	Hệ thống thoát nước và vỉa hè đường Nguyễn Văn Linh (giai đoạn 2)	UBND thị xã Hòa Thành	Hòa Thành	BTN, mặt đường 15m, Cống D1000 hai bên	2023-2024			32.191	32.191			27.400	27.400		
b	CẤP NƯỚC							70.800	69.300	0	0	62.800	62.800		
1	Nâng cấp HTCN Khu dân cư Cầu Sài Gòn 2, Tân Hòa, Tân Châu	Sở NN&PTNT	huyện Tân Châu	Cấp nước cho khoảng 800 hộ dân	2021-2023			15.000	15.000			13.500	13.500		
2	Nâng cấp, sửa chữa HTCN ấp Đông Tiến, Tân Đông, Tân Châu	Sở NN&PTNT	huyện Tân Châu	Cấp nước cho khoảng 560 hộ dân	2022-2024			14.500	14.500			13.000	13.000		
3	Nâng cấp, sửa chữa ấp Tân Đông, Tân Thành, Tân Châu	Sở NN&PTNT	huyện Tân Châu	Cấp nước cho khoảng 300 hộ dân	2022-2024			3.500	3.500			3.000	3.000		
4	Nâng cấp, sửa chữa HTCN ấp Thanh Trung, Thanh Diên, Châu Thành	Sở NN&PTNT	huyện Châu Thành	Cung cấp nước cho khoảng 320 hộ dân	2023-2025			1.900	1.900			1.700	1.700		
5	Nâng cấp, sửa chữa HTCN ấp Thanh Lợi, Thanh Bình, Tân Biên	Sở NN&PTNT	huyện Tân Biên	Cung cấp nước cho khoảng 500 hộ dân	2024-2025			9.000	9.000			8.000	8.000		
6	Nâng cấp, sửa chữa HTCN ấp Tân Trung, Tân Bình, Tp Tây Ninh	Sở NN&PTNT	Tp Tây Ninh	Cấp nước cho khoảng 200 hộ dân	2024-2025			3.200	3.200			2.800	2.800		

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CĐT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					
7	Nâng cấp, sửa chữa HTCN ấp Thanh Đông, Thạnh Tân, Tp Tây Ninh	Sở NN&PTNT	Tp Tây Ninh	Cấp nước cho khoảng 400 hộ dân	2024-2025		7.700	7.700			6.600	6.600	
8	Nâng cấp HTCN KDC Chàng Riệc	Sở NN&PTNT	Tân Biên	Cấp nước cho khoảng 566 hộ dân	2024-2025		3.000	3.000			2.700	2.700	
9	Mở rộng khu vực cấp nước xã Tân Hòa	Sở NN&PTNT	Tân Châu	Cấp nước cho ấp Cây Khế và SC tuyển ống áp Tân Thuận	2022-2024		13.000	11.500			11.500	11.500	

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH DỰ ÁN DỰ KIẾN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSDP GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021-2025

LĨNH VỰC DU LỊCH

(Kèm theo Nghị quyết số 19 /NQ-HĐND ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)



DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CĐT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú
						Số Quyết định, ngày, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
	TỔNG						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
II	Phân bổ theo định mức ngành, lĩnh vực						15.950	15.950			14.850	14.850	
II.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025						15.950	15.950			14.850	14.850	
1	Xây dựng trụ sở làm việc BQL KDL QG núi Bà Đen	BQL KDL Núi Bà Đen			2021-2023		7.900	7.900			7.100	7.100	
2	Xây dựng văn phòng làm việc Đội Bảo vệ Ban Quản lý kết hợp lực lượng phản ứng nhanh	BQL KDL Núi Bà Đen	KDL Núi Bà Đen		2021-2023		1.800	1.800			1.600	1.600	
3	Nhà bảo vệ khu vực đỉnh núi Bà Đen - BQL Núi Bà	Sở NN&PTNT, BQL KDL Núi Bà Đen	Tiểu khu 66		2021-2023		1.100	1.100			1.000	1.000	
4	Nâng cấp mở rộng, trùng tu di tích lịch sử Động Kim Quang	BQL Khu DL Núi Bà Đen	xã Thạnh Tân, TP TN		2022-2023		2.200	2.200			2.200	2.200	

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CĐT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú	
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NS tỉnh
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh							
5	Xây dựng sân lễ, nhà bia tưởng niệm di tích lịch sử căn cứ Suối Môn	BQL Khu DL Núi Bà Đen	xã Thạnh Tân, TPTN		2022-2023		2.950	2.950				2.950	2.950		



Biểu 10.1

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN DỰ KIẾN BỔ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSDP GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021-2025
CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
(Kèm theo Nghị quyết số 19 /NQ-HĐND ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CĐT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bỏ trí từ khởi công đến hết 2020		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú	
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NS tỉnh
	TÔNG						865.009	575.009				222.000	222.000		
1	Phân bổ theo nhiệm vụ, chương trình						596.000	306.000	0	0		202.000	202.000		
1.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025						596.000	306.000	0	0		202.000	202.000		
	Đề án xây dựng chỉnh quyền điện tử, chỉnh quyền số tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030	Số TT&TT			2021-2025	1920/QĐ-UBND ngày 03/9/2020	596.000	306.000				202.000	202.000	Điều chỉnh cho phù hợp Đề án đã phê duyệt	
	Trong đó:														
1	Nâng cấp, bổ sung trang thiết bị Công nghệ thông tin phục vụ cải cách hành chính, xây dựng Chính quyền điện tử và Chính quyền số	Số TT&TT	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và các đơn vị khác thuộc cấp	Đầu tư mua sắm thiết bị máy tính và Laptop, mua phần mềm chống mã độc thời hạn sử dụng 3 năm cho máy tính mua mới	2021-2023	392/QĐ-SKHDT ngày 22/12/2020	30.000	30.000				27.000	27.000		
2	Bổ sung, nâng cấp thiết bị bảo mật, đảm bảo an toàn thông tin cho Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh	Số TT&TT	Trung tâm THDL thuộc Số TTTT	Đầu tư cho một số thiết bị bảo mật và gia hạn license cho Firewall	2021-2023		13.000	13.000				11.700	11.700		
3	Nâng cấp hoàn thiện các giải pháp chỉnh quyền điện tử để hướng tới Chính quyền số	Số TT&TT	Trung tâm THDL thuộc Số TTTT	Nâng cấp hệ thống DVC, Một cửa điện tử và Hệ thống quản lý văn bản điều hành	2021-2023		20.000	20.000				18.000	18.000		
4	Nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh phục vụ xây dựng chính quyền số đến năm 2025	Số TT&TT	Trung tâm THDL thuộc Số TTTT	Đầu tư, nâng cấp các thiết bị tại TTTTHDL đáp ứng tài nguyên triển khai các ứng dụng, hệ thống đến năm 2025	2021-2023	108/QĐ-SKHDT ngày 07/4/2021	40.000	40.000				36.000	36.000		
5	Bổ sung, nâng cấp hệ thống giám sát an toàn thông tin cho trung tâm tích hợp dữ liệu và trung tâm giám sát điều hành tập trung của tỉnh	Số TT&TT	Trung tâm THDL thuộc Số TTTT	Trang bị hệ thống giám sát ATTT và chia sẻ giám sát về Bộ TTTT	2021-2023	97/QĐ-SKHDT ngày 29/3/2021	8.000	8.000				7.200	7.200		

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CDT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
6	Xây dựng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)	Số TT&TT	Trung tâm THDL thuộc Sở TTTT	Trang bị nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung kết nối các hệ thống thông tin trong tỉnh và các hệ thống thông tin từ các Bộ, Ngành, Địa phương khác	2021-2023	96/QĐ-SKHĐT ngày 29/3/2021	15.000	15.000	13.500	13.500			
7	Trang bị hệ thống camera giám sát an ninh trật tự tập trung	Số TT&TT	Trên địa bàn tỉnh	Triển khai hệ thống camera phục vụ công tác giám sát tình trạng an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh (gồm thiết bị đầu cuối, hạ tầng và truyền dẫn)	2023-2025		35.000	35.000	31.500	31.500			
8	Trang thiết bị và các hệ thống phục vụ cho Trung tâm giám sát điều hành kinh tế xã hội tập trung của tỉnh (giai đoạn 1)	Số TT&TT	TTGSDH thuộc Sở TTTT	Trang thiết bị cho Trung tâm giám sát điều hành thông tin kinh tế xã hội của tỉnh để thu thập và xử lý từ các hệ thống ứng dụng đã được thiết lập trong từng lĩnh vực một cách tập trung phục vụ công tác phân tích, xử lý dữ liệu, hiển thị trực quan (Dashboard) và hỗ trợ ra quyết định cho Lãnh đạo tỉnh cũng như Lãnh đạo các đơn vị liên quan. Các trung tâm tiếp nhận và ứng cứu sự cố khẩn cấp, trung tâm điều hành giao thông thông minh có thể tích hợp vào trung tâm IOC. Toàn bộ công tác điều hành, phối hợp và xử lý trong trung tâm IOC được chuyển kết quả cho ứng dụng Kết nối người dân với Chính quyền	2023-2025		20.000	20.000	18.000	18.000			
9	Nâng cấp, mở rộng hệ thống lưu trữ, sao lưu dữ liệu đảm bảo an toàn thông tin	Số TT&TT	Trung tâm THDL thuộc Sở TTTT	Mở rộng khả năng lưu trữ tập trung, sao lưu dự phòng dữ liệu cho các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh, hệ thống thông tin Chính quyền số đến năm 2025	2025-2027		20.000	20.000	6.000	6.000			



STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CĐT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú	
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NS tỉnh
10	Xây dựng hệ thống Truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông	Sở TT&TT	Tên địa bàn tỉnh	Ứng dụng công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin cơ sở nhằm chủ động, kịp thời cung cấp thông tin thiết yếu và tiếp nhận thông tin phản ánh của người dân thông qua công tác thông tin cơ sở; thực hiện quyền được thông tin của người dân và tham gia giải quyết những bức xúc của người dân ở cơ sở, góp phần tạo sự đồng thuận và niềm tin trong Nhân dân	2025-2027			36.000	36.000				8.240	8.240	
11	Xây dựng kho dữ liệu dùng chung tập trung của tỉnh (data Warehouse)	Sở TT&TT	Tên địa bàn tỉnh	Xây dựng kho dữ liệu dùng chung tập trung của tỉnh (data Warehouse) là yếu tố cơ bản, đóng vai trò then chốt trong việc tập hợp, xử lý dữ liệu thô từ các cơ quan, đơn vị, các lĩnh vực, ngành trong tỉnh	2025-2027			20.000	20.000				6.000	6.000	
12	Hệ thống số hóa, quản lý và khai thác dữ liệu số	Sở Nội vụ (CV 1850)	Các sở, ban, ngành UBND các huyện, thị, thành phố	Đầu tư hệ thống số hóa dữ liệu lưu trữ của Kho lưu trữ của tỉnh và các kho lưu trữ các ngành, các địa phương trong tỉnh để có thể quản lý, khai thác dữ liệu số kể cả nội dung của VB lưu trữ	2024-2026			45.000	45.000				18.860	18.860	
II	Phân bổ theo định mức ngành, lĩnh vực							269.009	269.009	0	0		20.000	20.000	
II.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025							269.009	269.009				20.000	20.000	
1	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, nhiệm kỳ 2021-2026	HDND tỉnh	TP. Tây Ninh	đầu tư thiết bị công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, nhiệm kỳ 2021-2026	2021			2.009	2.009				2.000	2.000	ĐC TMDT
2	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng giai đoạn 2021-2025	Tỉnh ủy	Toàn tỉnh		2022-2025			30.000	30.000				18.000	18.000	Bổ sung DA mới



Biểu 10.m

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN DỰ KIẾN BỔ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSDP GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021-2025

CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - LĨNH VỰC QUY HOẠCH

(Kèm theo Nghị quyết số 19 /NQ-HĐND ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CDT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư						Ghi chú	
						Số Quyết định, ngày, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NS tỉnh
	TỔNG					73.880	73.880	20.000	20.000	73.000	73.000		
II	Phân bổ theo định mức ngành, lĩnh vực					73.880	73.880	20.000	20.000	73.000	73.000		
II.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 05 năm 2021-2025					73.880	73.880	20.000	20.000	73.000	73.000		
1	Lập quy hoạch tỉnh	Sở KH&ĐT	toàn tỉnh	Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh	2019-2022		53.880	53.880	10.000	10.000	53.000	53.000	ĐC TMDT
2	Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2021-2030	Sở KH&ĐT rà soát	toàn tỉnh	Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch SDD cấp huyện	2021-2024		20.000	20.000	10.000	10.000	20.000	20.000	Bổ sung DA mới

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN DỰ KIẾN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSDP GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021-2025



CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - LĨNH VỰC CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TẠI ĐÔ THỊ
(Kế hoạch nghị quyết số 19 /NQ-HĐND ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CĐT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú	
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NS tỉnh
	TỔNG						3.548.127	1.146.927			1.987.300	253.100			
I	Phân bổ theo nhiệm vụ, chương trình						2.668.000	266.800			1.867.600	133.400			
I.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025						2.668.000	266.800			1.867.600	133.400			
1	Phát triển đô thị và thích ứng với Biến đổi khí hậu thị trấn Gò Dầu	UBND huyện Gò Dầu	Gò Dầu	Xây dựng đường bao Tây (bờ kè chống sạt lở và dây phố thông minh), đường bao Đông, hệ thống xử lý nước thải huyện Gò Dầu	2023-2027		2.668.000	266.800			1.867.600	133.400	Dự kiến sử dụng vốn ODA		
II	Phân bổ theo định mức ngành, lĩnh vực						880.127	880.127			119.700	119.700			
II.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025						880.127	880.127			119.700	119.700			
1	Bê tông nhựa các tuyến đường thị trấn Gò Dầu	UBND huyện Gò Dầu	Gò Dầu	Nâng cấp các tuyến đường	2022-2025		42.500	42.500			38.700	38.700			
2	Ngăn hóa đường CMT8 từ nút giao thông ngã tư Bách Hóa đến đường Điện Biên Phủ	BQL DTXD ngành GT	TP. Tây Ninh	Chỉnh trang đường, cải tạo vỉa hè	2024-2026		250.554	250.554			45.000	45.000			

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CĐT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
3	Chỉnh trang đường ĐT.781 đoạn qua ngã tư sù 5 đến thị trấn Châu Thành	BQL ĐTXD ngành GT	Châu Thành	Chỉnh trang đường, cải tạo vỉa hè, bổ sung HTTN	2024-2027		102.130	102.130			36.000	36.000	

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN DỰ KIẾN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSDP GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021-2025

CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - LĨNH VỰC CÁC ANH HƯNG CHO CÁC NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH, QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH; CẤP BÙ LÃI SỰ TÍN DỤNG, ƯU ĐÃI, PHÍ QUẢN LÝ; HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN; HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA THEO QUY ĐỊNH CỦA LƯẬT HỢP TÁC XÃ

(Kèm theo Nghị quyết số 19 /NQ-HĐND ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CDT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					
	TỔNG						883.409	654.518			584.400	584.400		
II	Phân bổ theo định mức ngành, lĩnh vực						883.409	654.518			584.400	584.400		
II.1	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025						883.409	654.518	0	0	584.400	584.400		
1	Hỗ trợ cho các dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018	Số NN&PTNT	toàn tỉnh		2021-2025		100.000	100.000			30.000	30.000		
2	Chi bổ sung quỹ phát triển đất		Quỹ PT đất		2021-2025		201.400	201.400			201.400	201.400		
3	Chi bổ sung quỹ đầu tư phát triển		Quỹ ĐTPT		2021-2025		300.000	300.000			300.000	300.000		
4	Chi ủy thác qua ngân hàng chính sách xã hội	NH CSXH			2021-2025		25.000	25.000			25.000	25.000		

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CDT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	
5	Hỗ trợ đầu tư hạ tầng phục vụ liên kết và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2025	Sở NN&PTNT	toàn tỉnh		2021-2025	23/2019/QĐ-UBND	257.009	28.118			28.000	28.000	Bổ sung theo CV số 923/SNN-PTNT ngày 25/3/2021

Biểu 11

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐI KIẾN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSDP GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021-2025

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QLNN, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI



Đã xem theo nghị quyết số 19 /NQ-HĐND ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CDT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	11	12	26	27	28	
	TỔNG						345.500	345.500			154.900	154.900		
II	Phân bổ theo định mức ngành, lĩnh vực						345.500	345.500			154.900	154.900		
II.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025						345.500	345.500	0	0	154.900	154.900		
1	Dự án Xây dựng Trung tâm hành chính công và Trung tâm Giám sát điều hành	UBND tỉnh	TP. Tây Ninh	Xây dựng mới	2021-2025		200.000	200.000			40.900	40.900		
2	Dự án Xây dựng mới Trụ sở làm việc Văn phòng Đảng ủy đất đai tỉnh Tây Ninh - Chi nhánh huyện Bến Cầu	Sở TNMT	Thị trấn Bến Cầu	Xây dựng mới	2021-2022	1820/QĐ-UBND ngày 22/8/2019	7.000	7.000			6.300	6.300		
3	Dự án Xây dựng mới Trụ sở làm việc Văn phòng Đảng ủy đất đai tỉnh Tây Ninh - Chi nhánh huyện Trảng Bàng	Sở TNMT	Thị trấn Trảng Bàng	Xây dựng mới	2021-2022		7.000	7.000			6.300	6.300		

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CĐT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					
4	Dự án Xây dựng mới Trụ sở làm việc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh - Chi nhánh huyện Tân Biên	Sở TNMT	Thị trấn Tân Biên	Xây dựng mới	2021-2022		7.000	7.000			6.300	6.300	
5	Dự án xây dựng mới trụ sở làm việc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở VH, TT&DL	Tp. Tây Ninh		2021-2023		20.000	20.000			18.000	18.000	
6	Dự án cải tạo Trung tâm học tập sinh hoạt TTN	Tỉnh đoàn	Tp. Tây Ninh		2021-2022		14.500	14.500			13.100	13.100	
7	Xây mới Trụ sở làm việc Hội liên Hiệp phụ nữ tỉnh Tây Ninh	Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh Tây Ninh			2022-2024						5.000	5.000	
8	Cải tạo, sửa chữa các trụ sở cơ quan QLNN		toàn tỉnh		2021-2025		50.000	50.000			50.000	50.000	
9	Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng	Tòa án nhân dân tỉnh	thị xã Trảng Bàng		2021-2023						3.000	3.000	
10	Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành	Tòa án nhân dân tỉnh	thị xã Hòa Thành		2021-2023						3.000	3.000	
11	Tòa án nhân dân huyện Tân Châu	Tòa án nhân dân tỉnh	huyện Tân Châu		2021-2023						3.000	3.000	

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH DỰ ÁN DỰ KIẾN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSDP GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021-2025

LĨNH VỰC XÃ HỘI



(Ký theo Nghị quyết số 19 /NQ-HĐND ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

DVT: Triệu đồng

DVT: Triệu đồng													
STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CDT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết 2020		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	
	TỔNG						48.582	32.900			28.400	28.400	
II	Phân bổ theo định mức ngành, lĩnh vực						48.582	32.900			28.400	28.400	
II.2	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 05 năm 2021-2025						33.682	18.000			15.000	15.000	
I	Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Tây Ninh (giai đoạn 2)	BQL DA DTXD tỉnh	xã Tân Hưng, huyện Tân Châu		2019-2021	2363/QĐ-UBND 31/10/2019; 364/QĐ-UBND 27/02/2020	33.682	18.000			15.000	15.000	
II	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025						14.900	14.900			13.400	13.400	
I	Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Tây Ninh (giai đoạn 3)	BQL DA DTXD tỉnh	xã Tân Hưng, huyện Tân Châu		2022-2024		14.900	14.900			13.400	13.400	

Biểu 13

DANH MỤC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN DỰ KIẾN BỎ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSDP GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021-2025



ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Đơn vị đề xuất/CDT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bỏ trí từ khởi công đến hết 2020		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		Ghi chú
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NS tỉnh		
	TỔNG						101.065	16.822	26.050	6.700	86.415	10.120	
I	Phân bổ theo nhiệm vụ, chương trình						101.065	16.822	26.050	6.700	86.415	10.120	
I.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 05 năm 2021-2025						101.065	16.822	26.050	6.700	86.415	10.120	
1	Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (VILG)	Sở TNMT	toàn tỉnh		2018-2022	3159/QĐ-UBND 12/12/2016	101.065	16.822	26.050	6.700	86.415	10.120	DA vốn ODA (WB)